

TÔN GIÁO - VẤN ĐỀ LÝ LUẬT VÀ THỰC TIỄN

TÔN GIÁO VÀ TỔ QUỐC

ĐẶNG NGHIỆM VẠN^(*)

1. Đề cập đến vấn đề tôn giáo hiện nay là một việc không chỉ bó hẹp trong sự lưu ý của các nhà khoa học xã hội hay tự nhiên, mà của toàn thể các ngành, các giới, nhất là giới chính trị, văn hoá, đạo đức, và của cả toàn dân, những tín đồ hay không phải tín đồ của một hay nhiều tôn giáo. Đó là một vấn đề nổi cộm lên của thời đại từ lĩnh vực nhận thức, quan điểm, cho đến vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội. Tôn giáo đương trở lại trên sân khấu nhân loại, hiện là mối quan tâm của các quốc gia. Sau Chiến tranh Thế giới II, vào những thập kỉ 40, 50, 60 thế kỉ XX, người ta đã tưởng rằng khoa học công nghệ với các loại chủ nghĩa duy vật hay chủ nghĩa phi tôn giáo, trong đó có chủ nghĩa Mác – Lênin, có thể thực hiện lời tiên đoán của các nhà duy vật Ánh Sáng của thế kỉ XVIII là đến thế kỉ XX, tôn giáo sẽ chết (Voltaire). Thế nhưng đến những năm 70 – 80 thế kỉ XX và ở nước ta có chậm hơn một chút, thế giới không còn hoang tưởng vào những thành tựu của khoa học - công nghệ, bởi lẽ, với khoa học - công nghệ, nhân loại có thoả mãn được nhu cầu vật chất nhiều hơn, nhưng lại gây ra nhiều vấn đề xã hội cần lí giải. Người ta độc quyền hạt nhân để răn đe, dùng sức mạnh khoa học - công nghệ để thực hiện câu ngụ ngôn bất hủ của La Fontten: “Cái lí của kẻ mạnh bao giờ cũng hơn”. Lời kêu cứu môi trường trái đất bị hủy hoại, sự bùng nổ dân số, vấn đề lương thực, vấn đề tội ác,

sa đọa đạo đức ... Vận mệnh của hành tinh bị đe dọa kéo theo sự hủy diệt của nhân loại, rơi trúng vào ngày tận thế mà một số tôn giáo đương tiên đoán. Thế giới rơi vào một cuộc khủng hoảng toàn diện: nhân loại đứng trước “một thế giới không chấp nhận được”⁽¹⁾. Người ta hoài nghi mọi thứ chủ nghĩa và chính vì thế “tôn giáo trở lại” sau những thập kỉ nhạt đạo.

Những cuộc điều tra tình hình tôn giáo gần đây cho thấy tình hình tôn giáo ở nước ta đang phát triển. Đảng ta cũng nhận thức sâu sắc tôn giáo vẫn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân và còn tồn tại lâu dài⁽²⁾. Đó là một nhu cầu không chỉ xét riêng dưới góc độ chính trị, mà còn ở những góc độ xã hội, văn hoá, đạo đức. Chính C. Mác và Ph. Ăngghen cũng công nhận trong thời kì tiền công nghiệp, tôn giáo đã đóng vai trò chủ yếu trong xã hội. Nhưng các ông luôn luôn nhấn mạnh rằng suy đến cùng điều quan trọng mang tính quyết định của sự tiến bộ là kinh tế, nhưng kinh tế không phải là yếu tố quyết định *duy nhất*⁽³⁾. Hai ông cũng lại cho rằng mối quan hệ tương hỗ giữa hoạt động kinh tế và thực hành

*. GS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. R.Dumond. *Một thế giới không thể chấp nhận được*. Bản dịch tiếng Việt. H. 1990.

2. Xem: *Nghị quyết 24 của Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam*.

3. Ph. Ăngghen. *Thư gửi J.Bloch ở Konigiberg*. Trong: Mác - Ăngghen. *Tuyển tập*. T.VI. 1984. tr. 726.

tôn giáo suy cho cùng không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào một nhân quả theo một hướng duy nhất.

Là một khách thể liên quan đến niềm tin của một cá nhân, một niềm tin thiêng liêng, tôn giáo luôn là một vấn đề được các nhà nước quan tâm. Mối quan hệ tôn giáo và tổ quốc luôn được đặt ra cho mọi thời đại, mọi quốc gia dân tộc. Trong những xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, mỗi quốc gia đều lấy một tôn giáo làm quốc giáo. Nhà thờ là nhà nước - nhà nước là nhà thờ. Ở nước ta, có thời Phật giáo, tiếp theo Khổng giáo được xem là quốc giáo⁽⁴⁾. Những nhà nước, nhất là những nhà nước theo Kitô giáo hay Islam giáo, thường dùng tôn giáo không chỉ là một công cụ trị dân, mà còn là một công cụ xâm lược.

Chính sách tự do tôn giáo chỉ được tuyên bố trên nguyên tắc, cùng với các quyền tự do khác trong cách mạng tư sản dân quyền. Nhưng rồi chủ nghĩa tư bản cũng không giải quyết được triệt để chính sách tự do tôn giáo, bởi lẽ đến nay một số nước đã thực hiện được thể chế thế tục, tức là một thể chế cho phép những người khác tôn giáo hay không tôn giáo chung sống với tư cách công dân bình đẳng trước pháp luật. Nhưng một số nhà nước tư bản khác vẫn theo chế độ nhà nước thoả hiệp với các nhà thờ tức là tùy theo công ước từng nước, mà chiếu cố đến một hay hai tôn giáo đa số dân theo, còn các tôn giáo khác không được để ý đến. Thậm chí một số nước vẫn coi một tôn giáo là quốc giáo. Vậy là trên nguyên tắc và cả trong thực tế, quyền bình đẳng trước pháp luật của tín đồ khác tôn giáo không được đảm bảo. Tình trạng không triệt để còn thấy ở việc sử dụng tôn giáo như một công cụ của chủ nghĩa thực dân cũ và cả hiện nay, dưới nhiều dạng khác nhau. Do đấy quyền tự do tôn giáo dường như chỉ dành cho công dân mẫu quốc. Trong lịch sử có biết bao chứng cứ, rõ rệt nhất là trong công cuộc bành trướng của chủ nghĩa đế quốc ở các nước Châu Mỹ, Châu Phi và Châu Á.

2. Nước Việt Nam được độc lập. Chỉ một ngày sau khi đọc *Bản tuyên ngôn độc lập*, ngày mồng 3 tháng 9 năm 1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trình bày *Những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, nêu lên một cách súc tích 6 nhiệm vụ, trong đó có câu: "Vấn đề thứ 6 - Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào Giáo và đồng bào Lương, để dễ bề thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết"⁽⁵⁾. Những nguyên tắc của chính sách được khẳng định trong điều 70 của Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1992) : "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo được bình đẳng trước pháp luật"⁽⁶⁾. Tại điều 112 trong *Chương Chính phủ* lại nêu rõ Chính phủ có nhiệm vụ "phải thực hiện chính sách xã hội, chính sách dân tộc, *chính sách tôn giáo*" (tôi nhấn mạnh - ĐNV).

Chính sách tự do tôn giáo dựa theo nguyên tắc công việc tín ngưỡng, tôn giáo là công việc riêng tư của từng người, tách rời nhà nước, tách rời nhà trường. Mọi người theo tôn giáo nào là tự nguyện, không được ai bắt buộc và cũng không được ai ngăn trở. Họ có quyền thay đổi tôn giáo hay từ bỏ một tôn giáo. Điều cơ bản mà trong Hiến pháp đặt ra là với tư cách công dân, họ phải "trung thành với tổ quốc, phản bội tổ quốc là tội nặng nhất" (điều 76). Nhà nước bảo vệ quyền tự do tôn giáo của công dân, công dân có trách nhiệm phải "sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật" (điều 31). Đó là vì "Tổ

4. Khác một số nước, tuy dựa vào một tôn giáo để trị dân, nhà nước vẫn để các tôn giáo tự do hoạt động.

5. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*. Tập 4, tr. 7.

6. Những đoạn trong bài đặt trong ngoặc kép đều rút từ Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992.

quốc Việt Nam” đối với mỗi người không phân biệt nam nữ, nghề nghiệp, lứa tuổi đều là “thiên liêng bất khả xâm phạm” (điều 13). Ở đây, một vấn đề đặt ra là mối quan hệ giữa tổ quốc và tôn giáo, pháp luật và tôn giáo.

Con người thường có ý thức sâu sắc với đất nước và với một tín đồ là ý thức với tôn giáo mình theo. Tổ quốc và tôn giáo đều là thiên liêng. Khẩu hiệu đẹp đời, tốt đạo là đúng đắn. Con người Việt Nam đều lấy việc phục vụ Tổ quốc của mình là lẽ sống cao đẹp. Đó là tiếng gọi tiềm ẩn trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam, con người thừa kế truyền thống tốt đẹp của cha ông. Trong quá trình phấn đấu gian khổ đưa đất nước vượt qua những khó khăn thử thách hiện nay, Tổ quốc với 4.000 năm lịch sử anh hùng và đau thương là nguồn cổ vũ, động viên; Đất mẹ là nguồn tình cảm sâu sắc an ủi, vỗ về những đứa con Hồng, cháu Lạc, đoàn kết dưới ngọn cờ dân tộc chủ nghĩa xã hội, xây dựng một đất nước bình đẳng, dân chủ, giàu mạnh cho bằng với năm châu bốn biển.

Điều cần thiết là làm sao trong mỗi con người giữ được bản sắc dân tộc, giữ được niềm tin tôn giáo của từng cá nhân tín đồ. Nhà nước đảm bảo cho mọi người làm tròn nghĩa vụ một công dân, cũng như thỏa mãn nhu cầu cần thiết và chính đáng của tín đồ từng tôn giáo. Các tôn giáo đều bình đẳng cũng như các công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Trong điều 4, Hiến pháp đã ghi rất rõ ngay cả “mọi tổ chức của Đảng” cũng phải “hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”. Bởi vậy cho nên, một điều rất cơ bản mà Hiến pháp ghi trong điều 70: “Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng tôn giáo được pháp luật bảo hộ” và “không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm trái pháp luật và chính sách của Nhà nước”. Về phía Nhà

nước cũng cần tôn trọng quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của mỗi công dân, quyền thiên liêng mà mỗi tín đồ đều cảm nhận. Dung hoà hai niềm tin thiên liêng của con người, đó là điều cần thiết và trước hết Nhà nước - người đại diện cho Tổ quốc - cần chú ý, là điều mỗi tín đồ, con em của đất mẹ phải thực hiện.

3. Con người Việt Nam rất mực yêu nước, nên tôn giáo Việt Nam thường mang màu sắc dân tộc, chứa đựng tinh thần yêu nước. Tinh thần uống nước nhớ nguồn bộc lộ rõ rệt ngay trong lời khuyên răn thể hiện trong các giáo lí hay nghi thức của các tôn giáo. Đạo Phật cũng tôn trọng tinh thần dân tộc, không chỉ biểu hiện ở việc đưa bát hương tổ tiên vào chùa, ở việc chấp nhận trên thần điện những thần khác tôn giáo, trong đó có các vị thần địa phương, mà còn chấp nhận cả việc thay đổi nghi thức thờ cúng, và quan niệm về các vị bồ tát, vốn trung tính được biến thành bà Quan Âm ... cho thích hợp với tâm linh Việt Nam. Điều thiện mà Phật khuyên răn trong đó đề cao lòng xả thân vì đất nước. Lễ cầu siêu cho các chiến sĩ hi sinh vì nước nói lên điều đó. Đạo Khổng lấy chữ Trung, chữ Hiếu làm gốc. Trung Hiếu hiện nay được thêm ý nghĩa là trung với nước, hiếu với dân. Đạo Hoà Hảo nêu lên 4 điều ân nghĩa trong đó có ân Tổ quốc, ân đồng bào ... Đạo Kitô đã đi vào con đường “Sống phúc âm giữa lòng dân tộc”. Đạo Cao Đài trong giáo lí cũng nhuộm màu sắc yêu nước, tự hào, vì dấng chí tôn chọn Việt Nam làm nơi lập đạo (!) ...

Thật vậy, dù là tôn giáo nội sinh hay ngoại sinh muốn tồn tại ở một đất nước không thể không dân tộc hoá, không thể không lấy mục đích phục vụ dân tộc làm gốc. Có một thời, đúng là một thời đen tối của nước nhà, thời nô lệ, các thế lực chính trị lợi dụng một số người lãnh đạo hay có uy tín trong các tôn giáo kéo đạo vào những mục đích chính trị và những mục

địch phi tôn giáo không chính đáng. Không loại trừ một tôn giáo nào, phản ảnh xu thế chung của cả nước, trong từng tôn giáo có sự phân rẽ, người theo cách mạng, người theo kháng chiến, người bị những thế lực thù địch khác nhau lôi kéo. Đó là một thời tôn giáo bị vấy trần. Những người theo đạo Công giáo yêu nước buồn rầu trước cảnh từ việc Tòa Thánh Vatican làm hậu thuẫn cho quân xâm lược, đến việc chính quyền Thực dân Pháp hay sau này là chính quyền Diệm, Thiệu dùng lá cờ tôn giáo xô đẩy giáo dân vào việc cầm súng bắn lại đồng bào, đang tâm đưa quân thù dày xéo lên đất mẹ. Một số phiến lòng đã phải kêu lên rằng người Công giáo Việt Nam thật khó xử, yêu nước thì mất Chúa, yêu Chúa thì mất nước. Cảnh hơn nửa triệu giáo dân bỏ quê hương bị lừa vào Nam do mưu mẹo của tên trùm CIA, với sự ưng thuận của Vatican còn đậm sâu trong lòng dân tộc. Rồi những hoạt động chống Kháng chiến của một phái nhỏ trong đạo Phật, mà di chứng còn để lại đến ngày nay. Những đội quân có vũ trang của đạo Cao Đài, Hoà Hảo, v.v... sa lầy vào những hoạt động quân sự, chính trị chống lại dân tộc, những năm 40 – 70 thế kỉ XX viết lên những trang sử đáng buồn của các tôn giáo trong nước. Bên cạnh đó là những trang sử đáng trân trọng của những tín đồ yêu nước của tất cả các tôn giáo kể trên, với những người con tiêu biểu được xưng danh ghi tên trong “điện thần” cùng với những người yêu nước, những chiến sĩ, những liệt sĩ của những người không theo đạo, hay đúng hơn hầu hết là theo đạo ông bà, đạo tổ tiên. Đại đa số tín đồ các tôn giáo, với những chức sắc có uy tín, dù trong vùng cách mạng hay kháng chiến hoặc ở lại vùng địch tạm chiếm, đã sát cánh cùng toàn dân viết nên những trang sử oanh liệt, tiêu biểu là Điện Biên Phủ, là giải phóng Sài Gòn, rửa được cái nhục mất nước hàng trăm năm, đưa Việt Nam đi lên cùng thời đại. Tên tuổi Việt Nam gắn liền với Hồ Chí Minh, Điện Biên Phủ và đại thắng mùa

xuân năm 1975, với phong trào giải phóng dân tộc toàn thế giới.

Trong hoàn cảnh đất nước còn chiến tranh, khi kẻ thù nham hiểm lợi dụng tôn giáo như một công cụ xâm lược, phía cách mạng cần nêu cao tinh thần cảnh giác, nên cũng không tránh khỏi vi phạm chính sách tôn giáo do chính mình đặt ra. Lại thêm, khi cao trào cách mạng lên cao, khi những khó khăn gian khổ không thể lường được trong kháng chiến, con người chỉ còn một ý nghĩ duy nhất tất cả vì chiến thắng, các nhu cầu khác trong đó có tôn giáo phải tạm gác sang một bên. Vì luôn luôn phải đối đầu với một thực tế khá phũ phàng, phải đương đầu với âm mưu vừa xảo quyệt, vừa tinh vi của kẻ thù trong vấn đề tôn giáo, nên xu thế tả khuynh trong việc thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng dường như không tránh khỏi, nhất là ở cấp dưới, và ban đầu bản thân chính sách cũng có những điểm chưa thật cụ thể với từng loại tôn giáo. Lại thêm, sự hiểu biết chưa thật đầy đủ thế nào là tôn giáo, đối sách với tôn giáo sao cho thật đúng đắn, nên thực tế đã hình thành trong tư tưởng một số cán bộ quan niệm phát triển tôn giáo là không lợi cho cách mạng ... (?) Đó là do sự hiểu biết hạn hẹp, chỉ xét tôn giáo dưới góc độ chính trị, mà chưa xét đến các mặt xã hội, văn hoá, đạo đức, nên đã vô tình gây ra những đối lập không cần thiết giữa cách mạng và tôn giáo. Thành kiến với tôn giáo đã dẫn đến việc thu hẹp tối đa nhu cầu chính đáng của các tôn giáo, ngay cả các tôn giáo truyền thống, vi phạm ngay những điều Đảng, Nhà nước đề ra, dẫn đến hậu quả tạo kẻ hở cho kẻ xấu trong giới lãnh đạo tôn giáo lôi kéo được quần chúng tín đồ. Đã có một thời, không chỉ kẻ thù phá đình, chùa, nhà thờ, đền, miếu mà cả chính quyền cũng đã làm điều đó, nhất là trong khi tiêu thổ kháng chiến, khi cải cách ruộng đất, vận động nếp sống mới.

Thật là trái với tư tưởng Hồ Chí Minh khi Người coi Khổng Tử, C. Mác, Giêsu, Tôn Dật Tiên đều muốn mưu hạnh phúc cho loài người, mưu lợi ích cho xã hội⁽⁷⁾, đều thấy Đức Giêsu, Phật Thích Ca và các đảng sáng lập ra các tôn giáo ... là những người cứu khổ cho nhân dân⁽⁸⁾. Thật vậy, dưới con mắt người dân, các vị trên đều là những con người cứu nhân, độ thế. Hồ Chí Minh đã nghĩ trúng ý dân, muốn toàn dân đoàn kết cứu nước, cứu nhà.

Vậy nên, điều 70 trong Hiến pháp nhấn mạnh: "Những nơi thờ tự của các tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để làm trái pháp luật và chính sách của nhà nước". Đó là một điều cần được khẳng định và phải được toàn dân tuân thủ, bởi lẽ nếu không tuân thủ sẽ vi phạm đến một điều thiêng liêng: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết để phục vụ cho đất mẹ tổ quốc thân thương. Chỉ có đoàn kết mới có thể thực hiện được hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng và Nhà nước là bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Kinh nghiệm 4.000 năm lịch sử đã chứng minh điều đó.

4. Vấn đề đoàn kết giữa những người khác tôn giáo và không tôn giáo ở nước ta là vấn đề đáng quan tâm vì đất nước có nhiều tôn giáo khác nhau. Nếu nói không ngoa, người nghiên cứu có thể tìm thấy ở đây hầu hết các hình thức tôn giáo từ Tôtem giáo, ma thuật, Vật linh giáo, Saman giáo, đến tôn giáo chính thống của dân tộc, đạo Tổ tiên (theo nghĩa rộng) cho đến các tôn giáo nội sinh như đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo, cũng như các tôn giáo có tính thế giới như đạo Kitô (đạo Tin Lành và Công giáo), đạo Phật, Đạo giáo, đạo Islam và gần đây là những hiện tượng tôn giáo mới. Việt Nam gần như là một bảo tàng tôn giáo, muôn màu, muôn vẻ, rất đa dạng. Đó là vì đất nước này là nơi giao lưu nhiều luồng văn hoá (mà tôn

giáo là một bộ phận), nhiều tộc người, là nơi có một nền văn minh bản địa vững chắc, lại chịu ảnh hưởng sâu đậm của hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ, và gần đây là văn minh Phương Tây. Đó cũng là vì đất nước bị nhiều lần nước ngoài đô hộ như ngàn năm Bắc thuộc, gần 30 năm thời Minh, gần 100 năm Pháp thuộc và gần 30 năm chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Nhưng có điều con người Việt Nam, đất nước Việt Nam, nhờ có một cơ tầng văn minh vững chắc, nên dám chấp nhận những cái bên ngoài mang đến, với một thái độ *mở*⁽⁹⁾, mà vẫn giữ được bản sắc riêng của mình, được thể hiện không kém rõ rệt trong các tôn giáo và tín ngưỡng. Vì vậy, các tôn giáo dù từ bên ngoài vào nước ta cũng dần mang sắc thái dân tộc, cũng phải dân tộc hoá, địa phương hoá. Nên ta thấy tôn giáo nào ở Việt Nam cũng có nét đặc trưng khác với tôn giáo có cùng nguồn gốc ở các nước khác.

4.1. Một đặc điểm của xã hội Phương Đông và cũng là của Việt Nam, đó là việc suy tôn một cá nhân làm người đại diện cho toàn thể cộng đồng- cộng đồng quốc gia dân tộc. Người đó là người đứng đầu nhà nước - tên chuyên chế Phương Đông như thuật ngữ của C. Mác - là hoá thân của một vị thần linh, được sinh ra qua một cuộc sinh nở thần kì: sao sa vào bụng, chân mẹ ướm vào vết đá lạ trong rừng mang thai, qua giấc mơ báo mộng, khi sinh nở hào quang sáng rực một góc trời, v.v... đầu thai xuống trị vì thiên hạ. Ở đây, đó là vua - thần, là con trời, thiên tử, mà trời là một đấng vô hình đáng kính

7. Xem: Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (Bản Trung văn). NXB Tam Liên, Thượng Hải 1949, tr. 91.

8. Hồ Chí Minh. *Toàn Tập*. Các bài rải rác trong các tập giai đoạn 1945 - 1969.

9. Đặng Nghiêm Vạn. *Văn hoá dân tộc, động lực mở cửa để phát triển*. Trong: *Mấy vấn đề văn hoá và phát triển ở Việt Nam hiện nay*. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1993, tr. 71.

trọng, thân thương, nhưng cũng dễ quở trách, phần nộ một khi con người không vâng phục¹⁰. Nhà vua – nửa người nửa thần - được suy tôn là người đại diện *duy nhất* của cộng đồng trước thần linh, người có quyền bất khả xâm phạm, quyền lực được đồng nhất với quyền lực của cộng đồng. Nhà vua vì thế cai quản cả người sống, người chết, cả các siêu linh: thần, thánh, ma, quỷ, giáng chức cả các thần linh.

Hàng năm vua thay mặt cộng đồng làm lễ tế Nam Giao tức là tế trời đất. Trong năm, nếu có việc gì quan trọng, cũng lại chỉ nhà vua thay mặt thần dân xin trời giáng phúc, tránh hoạ.

Ở từng làng xã, đơn vị cơ sở của xã hội, ông thành hoàng là người đại diện cho trời, có thể là một siêu linh gốc là nhân thần hay địa thần, hoặc là thiên thần, được coi là người có công lớn với làng xã, với đất nước, được nhà vua sắc phong làm thần, coi sóc dân chúng. Ông Tiên chỉ, người có bằng cấp Nho học cao nhất ở tại làng hay là người được trọng vọng nhất được dân suy tôn, thay mặt cho làng làm chủ tế khi có lễ bái và là người giữ gìn thuần phong mỹ tục trong làng.

Ở từng gia đình, dòng họ, thường thờ cúng những người đã khuất, những tổ tiên đã có công sinh dưỡng con cháu và dựng nên sự nghiệp của dòng họ, gia đình. Người tộc trưởng hay gia trưởng là người duy nhất thay mặt dòng họ, gia đình làm lễ tổ tiên. Đạo thờ Tổ tiên ở Nam Bộ được gọi là đạo ông bà, vì người Nam Bộ ít lưu ý đến phả hệ, nguồn gốc xưa của dòng họ hoặc vì lưu lạc nên không còn nhớ.

Đạo Tổ tiên theo nghĩa rộng (ở Nhật Bản cũng quan niệm như vậy) là hình thức tôn giáo chính thống của dân tộc Việt Nam, nhằm củng cố tinh thần cộng đồng, tinh thần yêu đất nước, quê hương, gia đình, dòng họ, trên cơ sở ơn sâu với vua Hùng, người có công dựng nước, với

các vị vua thần, tất nhiên là người đại diện cho đất nước trước thời cách mạng và trước khi có Đảng lãnh đạo, ơn sâu nghĩa nặng với những vị có công với nước với làng (vì các vị thành hoàng thường là các quan văn võ, là người có công lập làng, dựng làng ... tất nhiên đã là tôn giáo thì cần hiểu là công hư cũng như công thực) , với những người có công sinh dưỡng¹¹.

Đạo Khổng vốn là một học thuyết chính trị, đạo đức, sau trở thành một tôn giáo, với nội dung phù hợp với xã hội tiền công nghiệp Viễn Đông, đã được triều đình nhà Lê, tiếp nối là nhà Nguyễn (từ thế kỉ XV đến thế kỉ XIX) coi là quốc giáo. Cũng chỉ nên coi đạo Khổng đã có công thổi vào hệ thống tôn giáo thờ cúng tổ tiên một triết lí, một nghi thức, một niềm tin cho sâu sắc hơn. Thật vậy, ở những vùng ngay trên đất nước Việt Nam, như vùng Tây Bắc và miền núi hai tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An trong các tộc người Thái, Mường, các tộc người Môn - Khơ me không chịu hay ít chịu ảnh hưởng của đạo Khổng, đạo Tổ tiên với ba cấp độ Nhà nước (ở đây là Mường hàng châu hay hàng tổng), bản làng và gia đình, dòng họ, vẫn tồn tại như một tôn giáo chính thống, tôn giáo của quần chúng nhân dân. Và sau Cách mạng tháng Tám, nhất là những năm gần đây, ta vẫn thấy người Việt Nam thân thương với đạo Tổ tiên, cho dù chế độ vua quan đã hết thời và vị trí của đạo Khổng đã sút kém so với thời trước cách mạng.

Tôn giáo chính thống của dân tộc nói trên lại quyện chặt, đan xen vào các nghi lễ nông nghiệp diễn ra theo chu kì sản

10. Ông trời rất mơ hồ, đứng đầu các siêu linh, nhưng lại là cháu con cóc, một con vật không ai nỡ làm hại, vì khi nghiêng răng, thì trời đổ mưa. Người Việt có câu: "Con cóc là cậu ông trời, hễ ai đánh nó thì trời đánh cho". Về sau do ảnh hưởng Trung Quốc, ông trời được gọi là Ngọc hoàng Thượng đế.

11. Đặng Nghiêm Vạn. *Các tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam*. Trong: *Việt Nam, đất nước - lịch sử - văn hoá*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991.

xuất hàng năm, tập trung vào những tháng nông nhàn như vào vụ thu hoạch (mùa thu) và vụ cày cấy (mùa xuân). Một hệ thống hội lễ (festivals religieuses) hàng năm được định hình, vừa nhằm củng cố trật tự xã hội đương thời, vừa nhằm cầu mong một năm bội thu nông nghiệp. Chính vì vậy, đạo tổ tiên lại càng cắm rễ sâu vào người nông dân Việt Nam, một tầng lớp chiếm gần 100% trong xã hội xưa kia, khi mà làng xã nông thôn Việt Nam mang tính chất vừa nông, vừa công, vừa thương, và kẻ sĩ mà đại diện là những thầy đồ, những nhà Nho am tường tình quê nghĩa xóm. Hơn nữa nếu có một phần nhỏ cư dân vào sống ở các nơi đô thị, thì cũng vẫn gắn mình với nơi quê cha đất tổ. Những người đi làm ăn xa, khi về già cũng trở về quê, hoặc lúc mất cũng đưa về quê an táng. Hiếm có trường hợp ngoại lệ. Đất kinh kì xưa cũng bó hẹp trong 36 phố phường, với một cấu trúc không hơn kém những làng quê, khác chăng là không lấy nông nghiệp làm chính, vẫn có đình, chùa, vẫn có hội phường, v.v ...

Hệ thống tôn giáo chính thống nói trên được triển khai theo hai tuyến: chính thống và dân dã bao trùm lên toàn bộ hoạt động tôn giáo của cộng đồng. Do vậy nó là lực hút của các tôn giáo khác hay nói khác đi, các tôn giáo ngoại nhập buộc phải dựa trên nền tảng tôn giáo này mà tồn tại. Phải nói có một thời ta đã không chú ý tầm quan trọng của loại tôn giáo này. Thậm chí coi đó là sản phẩm của phong kiến, nên mặc cảm, thậm chí xoá bỏ. Đình được sử dụng làm việc khác, các hội làng bị hạn chế. Chính do sự hẫng hụt này, các tôn giáo và mê tín khác thay thế. Việc trong Hiến pháp nêu cần "bài trừ mê tín, hủ tục" (điều 30)⁽¹²⁾ không thể hiểu như một số người coi mê tín bao gồm cả thờ vua Hùng, thờ thành hoàng, thờ tổ tiên. Nhân đây cũng cần làm rõ trong bất kì tôn giáo nào, dù tự nhận là đứng trên các tôn giáo khác, dù tự cho là có tổ chức ... thì cũng có những yếu tố lỗi thời và cần

thay đổi để thích nghi với thời đại. Những yếu tố lỗi thời trong niềm tin, hành vi hay ngay trong giáo lí tôn giáo sẽ trở thành những điều mê tín, dễ dẫn đến chỗ cuồng tín, phản văn hoá, như trường hợp một số tôn giáo chỉ tin vào một điểm què quặt trong giáo lí mà dẫn đến chết người, đến chấp nhận cuộc sống thác loạn. Điều này đến ngay các nước tư bản cũng phải lên án⁽¹³⁾. Ở Việt Nam, đó là những hành vi phạm pháp, vì trái văn minh, phản văn hoá.

Sức mạnh của đạo Tổ tiên chính vì nó mang tính xã hội, tính cộng đồng, thích hợp với đạo lí và tâm linh người Việt Nam. Vì vậy, nó bền vững, nhưng không vì thế mà nội dung của nó không thay đổi và trong bản thân nó không phải không chứa đựng những điều lỗi thời. Thế mạnh của nó là buộc các tôn giáo khác phải chấp nhận nó như một khách thể tồn tại hay thậm chí như một yếu tố trong tôn giáo của mình. Đạo Phật phải chấp nhận việc tham gia thực hiện tang lễ, chấp nhận việc đặt bát hương trên chùa, chấp nhận việc tham gia vào các nghi lễ cùng với Khổng giáo do nhà vua chủ trì, như tế Nam Giao. Đạo Kitô trước đây cấm các tín đồ không cho thờ cúng ông bà, tổ tiên, coi đó là phạm luật đạo, buộc kẻ vi phạm phải rút phép thông công. Các tín đồ buộc phải gửi bát hương sang nhà người thân

12. Ở đây có điều cần hoan nghênh là trong Hiến pháp đã không nêu bài trừ mê tín, dị đoan. Thuật ngữ dị đoan dễ bị hiểu nhầm, vì có thể hiểu là tôn giáo khác. Ở Châu Âu khi Công giáo được coi là quốc giáo, thời các tôn giáo khác bị coi là dị đoan hay dị giáo. Cách mạng 1789 lại coi ngay cả đạo Kitô hay nói riêng Công giáo là dị đoan. Có điều gần đây xuất hiện những hiện tượng tôn giáo mang tính phản văn hoá như hiện tượng vì cuồng tín, mê loạn mà tự sát hàng loạt để sang một thế giới khác theo "Chúa", vì ngày tận thế đã đến, hay thực hiện những điều thác loạn, vô đạo đức. Những hiện tượng này không thể gọi là tôn giáo.

13. M.C. Ernst. *Sectes et cultes aux Etat – Unis dans les années soixante-dix*. (Những giáo phái và thờ cúng ở Hoa Kỳ những thập kỉ 70) Publisad Paris 1991.

hay giấu trong kho thóc. Đến gần đây, đạo Kitô buộc phải chấp nhận việc các tín đồ theo đạo ông bà, thậm chí phải làm vợ khi họ dự hội làng. Còn đạo Hoà Hảo, đạo Cao Đài coi đạo Tổ tiên như một trong nội dung của đạo. Đạo Khổng, như đã nói trên, đã nâng đạo Tổ tiên lên thành một tôn giáo với những nghi thức, giáo lí có bài bản. Đạo Phật theo lối hiểu của người dân, còn bổ sung bằng thuyết Luân hồi, bằng quan niệm thiện ác, nghiệp báo, bằng một thế giới bên kia, trong đó con người được gặp người thân đã khuất và cả bằng hình thức tu tại gia với lòng mong muốn gia đình thịnh vượng. Đạo giáo biến ông trời thành Ngọc Hoàng Thượng Đế, phong thánh cho một số nhân vật thực hay không thực có công với nước. Những nghi thức Tam giáo tham gia làm phong phú thêm những hành vi lễ thức từ tế Nam Giao cho đến các hội lễ ở địa phương, các làng xóm. Do đó, đạo Tổ tiên theo nghĩa rộng được nâng cao và hoàn chỉnh nhờ ảnh hưởng của các tôn giáo khác, đặc biệt là đạo Khổng.

Hệ thống tôn giáo dân tộc kể trên cũng đã thay đổi nội dung, vứt bỏ những điều lỗi thời do trật tự xã hội chứa đựng nó thay đổi. Hình bóng vua thần bị cách mạng xưa đuổi cùng với chế độ phong kiến Phương Đông, được thay thế bằng biểu tượng vua Hùng, người được Hồ Chủ tịch tôn kính coi là người dựng nước – vị vua nửa huyền thoại, nửa có thực của triều đại đầu tiên của đất nước Việt Nam. Ngày giỗ vua Hùng vẫn thân thương với người Việt trong Nam ngoài Bắc, trở thành ngày hội dân tộc, hội non sông. Các vị thành hoàng chỉ còn được tưởng niệm như một người có công với nước, với làng. Ngôi đình làng gần đây đang muốn đòi lại địa vị của mình, với sự đồng tình của người dân, với sự xếp hạng di tích của Bộ Văn hóa - Thông tin, cần được nhà nước lưu tâm đến. Ngôi đình làng với cây đa vẫn là biểu tượng của cộng đồng làng xã.

Mất nó, người trong làng ngoài xóm mất một chỗ dựa tinh thần. Vì vậy, ở đâu mất ngôi đình, ngôi chùa, đền, miếu dù loại với các nghi lễ của Phật giáo, Đạo giáo thì ở đó những hình thức mê tín lạc hậu, cũng như đủ loại văn hoá lai căng xâm nhập.

Đạo Tổ tiên chỉ còn được duy trì trọn vẹn trong phạm vi gia đình, dòng họ, đương được thức dậy một cách trong sạch, với ý nghĩa uống nước nhớ nguồn, với việc sửa sang xây dựng lại nhà thờ dòng họ, gia tộc, chép gia phả, tìm lại và sửa sang phần mộ ông bà, tổ tiên. Phong trào xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, tìm lại mồ mả những chiến sĩ trên chiến trường được Đảng và Nhà nước chủ trương, đã đánh trúng ý dân, được hưởng ứng ủng hộ, khơi dậy lòng yêu quê hương, đất nước, lòng nhớ ơn những người đã hi sinh vì Tổ quốc.

4.2. Các tôn giáo ngoại sinh du nhập vào Việt Nam đã lâu đời như Phật, Khổng, Đạo cũng như các hình thức tôn giáo, ma thuật khác vẫn duy trì hoạt động tôn giáo riêng của mình. Nên có thể nói người Việt Nam không chỉ là tín đồ của một mà hai thậm chí nhiều tôn giáo. Vì vậy, có thể nói các tôn giáo dễ dàng chung sống với nhau, có xu thế hoà nhập vào nhau. Trên các điện thần của các tôn giáo khác nhau đều thấy có các vị thần thuộc tôn giáo khác. Ở các chùa, các đức Phật chiếm địa vị chính yếu; gần đây thấy điện thờ Mẫu có khi lại át gian Tam bảo; miếu thờ Khổng Tử dường như mất, nhưng Khổng Tử hay Quan Văn Trường với Châu Xương, Quan Bình đứng hầu vẫn có mặt ở các điện thần tôn giáo khác. Ở các điện đền, Thái thượng Lão quân tức Lão Tử, cùng bộ ba Tam Thanh: Thái Thanh, Thượng Thanh, Ngọc Thanh, với Trần Hưng Đạo, Liễu Hạnh, đóng vai trò chính. Các vị thần địa phương chiếm vị trí quan trọng ở các đình. Ở Nam Bộ, có một điều rất khó phân biệt đâu là chùa,

đình, đền ... Chính vì thế, những điện thần của đạo Phật ở đó cũng phân chia thành nhiều phái Bắc tông, Nam tông, Phật cổ truyền với lệ nhà sư được phép lấy vợ, khát sĩ... Chùa Hoa cũng khác. Đó là không kể chùa Khơ me lại càng khác. Đồng bằng Nam Bộ nổi lên đạo Hoà Hảo, kế thừa của đạo Phật Bửu Sơn Kỳ Hương, một thứ đạo Phật có nhiều tính dân dã, với một phong trào cứu thế. Đạo Cao Đài, một đạo mới khai sinh trước đạo Hoà Hảo, đến nay gần được 70 năm, tổng hợp trên điện thần các vị thần các tôn giáo từ Kitô, Phật, Khổng, Đạo với một đáng chí tôn. Các đạo phù thủy, bói toán, tử vi cùng với các lễ cúng rất phức tạp, liên quan đến những tập tục, những vị thần địa phương còn phổ biến. Gần đây, nổi lên một thứ thần tài chấp vá các yếu tố tôn giáo truyền thống như kiêu bà Chúa Kho, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, thu hút nhiều đệ tử đến xin vay, trả bà đòla, bên cạnh những hiện tượng tôn giáo mới khi nổi lên, khi lặn tắt. Những hiện tượng tôn giáo mới này muôn hình muôn vẻ, có loại khoa học, tự xưng là những người có phép lạ, có loại lợi dụng sự thiếu ổn định của xã hội trong thời kì chuyển mình sang nền kinh tế thị trường có định hướng, sự thiếu niềm tin và sự lạc hậu của một số quần chúng đã gây ra những hành động phản văn hoá: sống thác loạn, rêu rao ngày tận thế, tự xưng là các tiên tri, thánh, thần nhập... lừa bịp và thậm chí có những hành động phạm pháp.

Ngược lại, phản ứng trước một xã hội chuyển biến nhanh và đột ngột, tư duy không theo kịp thực tiễn, không theo kịp ứng xử với những sự kiện xã hội mà họ cho là suy thoái, tha hoá, một số người muốn tìm lại cái thoải mái, cái trong sáng của một xã hội "lí tưởng", nên tìm cách ẩn vào một niềm tin tôn giáo, xa lánh ngay cả những nơi thờ tự, mà ở đó những chức sắc hoặc lợi dụng để mưu danh vị, hoặc vấy bẩn bằng những hành vi thiếu đạo đức,

những thủ đoạn chính trị thấp hèn, hoặc buôn thần bán thánh một cách trơ tráo. Họ tu tại gia hoặc ở một am, một đền hẻo lánh. Một số tôn Cự Hồ là đối tượng thờ cúng với một lòng sùng kính, thậm chí lập bàn thờ, phong Người làm Thánh. Họ tự nguyện giữ lương tâm trong sạch "gần bùn mà chẳng hôi tanh", học đạo làm người, không đấu tranh, không hành động, xa lánh "cõi đời".

Thực dân Pháp vào Việt Nam cùng đạo Công giáo; Đế quốc Mỹ vào Việt Nam cùng đạo Tin Lành. Buổi ban đầu, dường như đạo Kitô ít gặp sự trở ngại do tính khoan dung, rộng mở của người Việt Nam. Sự xung đột tôn giáo ban đầu biểu lộ dưới hình thức sự xung đột giữa hai nền văn hoá, một phần do bản chất "cứng rắn", không khoan nhượng về giáo lí, đức tin và hành vi, chỉ muốn tín đồ dành niềm tin riêng cho đức Chúa Trời, sau dần biến thành sự xung đột về chính trị giữa một bên là dân tộc, còn một bên là kẻ xâm lược, nhất là trong những thập kỉ hai cuộc kháng chiến vừa qua. Sự có mặt của chế độ thực dân cũng là nguyên cơ cho các tôn giáo như Phật giáo phục hưng, cho những tôn giáo như đạo Cao Đài, đạo Hoà Hảo ra đời và đồng thời thúc đẩy cho các tôn giáo phân rẽ vì sự khác biệt chính kiến trong giới lãnh đạo tôn giáo. Phải đến sau ngày giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước, một chủ trương đoàn kết các tín đồ khác tôn giáo và những người không tôn giáo, hướng các hoạt động tôn giáo về với dân tộc, với khẩu hiệu đẹp đời tốt đạo mới được thực hiện, tuy còn gặp phải những khó khăn, gặp ghênh của buổi ban đầu khi âm mưu lợi dụng tôn giáo của kẻ thù bên ngoài còn hiện hữu, khi tinh thần nghiêm túc thực hiện chính sách tự do tôn giáo còn chưa được thực thi đầy đủ do sự thiếu hiểu biết về vai trò tôn giáo trong đời sống xã hội.

Tình hình tôn giáo lại thêm phức tạp do trình độ các chức sắc tôn giáo còn yếu kém. Hiện tượng thiếu linh mục, sư sãi ít hiểu biết về giáo lí; việc dùng tôn giáo vào

mục đích kinh tế, cộng thêm hiện tượng đạo đức của một số người hành nghề tôn giáo suy giảm, cùng với các hình thức mê tín trối dầy, đã tạo nên một không khí không lành mạnh trong việc đạo.

Bởi vậy, cần có một tổ chức và một đội ngũ cán bộ quản lí và nghiên cứu am hiểu vấn đề tôn giáo và nắm vững nội dung cùng nghệ thuật thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời cũng cần tạo cho tín đồ các tôn giáo khác nhau có điều kiện thực hiện nhu cầu chính đáng về đạo, nhằm phấn khởi xây dựng đất nước và trên cơ sở đó, chính họ chứ không ai khác là người bảo vệ tôn giáo được tốt đẹp, *vi không ai là người tín đồ chân chính lại muốn cho một số người lợi dụng niềm tin thiêng liêng của bản thân vào những mục đích không tốt đẹp về chính trị chống lại một niềm tin thiêng liêng lớn hơn là tổ quốc Việt Nam, đất mẹ thân yêu*, mà những đứa con Việt Nam đều cảm nhận dưới chân mình dường như trong cát bụi, có xương máu và mồ hôi của tổ tiên, đã bảo vệ và xây dựng một giang sơn như ngày nay. Cũng chính lại là họ, chứ chưa phải ai khác, sẽ không đồng tình để một số chức sắc xấu dùng tôn giáo để kiếm tiền, tha hóa về đạo đức, vi phạm những giáo luật. Nhà nước, người đại diện cho toàn dân sẽ phải có thái độ đối với những hành vi của bất cứ tín đồ tôn giáo nào vi phạm Hiến pháp, pháp luật, phản lại Tổ quốc, phá hoại an

ninh trật tự, chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, làm hại đến sinh mạng, phẩm chất con người, có hành động phản văn hoá, có hại cho sản xuất, cho sức khoẻ của người dân; đồng thời Nhà nước cũng cần xử lí những người vi phạm đến quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Đó là những việc cần thiết phải làm.

Người tín đồ tôn giáo chân chính, trước hết là người yêu đất nước, là người căm giận những hành vi chống đối Tổ quốc, cũng như những hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật, tạo thế mất ổn định để ngăn cản việc xây dựng đất nước giàu mạnh trong tình hình đất nước hiện nay.

Nhà nước cần có một ứng xử đúng đắn bằng những chính sách, những quy định, những biện pháp đối với các tôn giáo, tín ngưỡng, đảm bảo đủ sức mạnh để tập hợp các thành viên các tôn giáo khác nhau và không tôn giáo trong công cuộc đổi mới hiện nay. Chính đó là phát huy truyền thống tốt đẹp ngàn xưa của nhân dân ta, dù khác niềm tin tôn giáo vẫn chung sống với nhau tốt đẹp, hoà thuận. Điều đó đã được thực hiện tốt trong vùng kháng chiến và ở Miền Bắc đất nước ta sau ngày hoà bình lập lại, năm 1954, và hiện nay đang được thực hiện nhằm làm cho mọi công dân lương cũng như giáo, cùng thấy trách nhiệm đưa Tổ quốc Việt Nam hiện diện trước nhân loại bằng sức mạnh văn minh của chính mình./.